

Nội dung bài viết

1. [Đề thi Toán lớp 5 cuối học kì 1 năm 2021 - Đề số 1](#)
 1. [Đáp án đề thi học kì 1 lớp 5 môn Toán năm 2021 - Đề số 1](#)
2. [Đề thi cuối học kì 1 lớp 5 môn Toán năm 2021 - Đề số 2](#)
 1. [Đáp án đề kiểm tra cuối học kì 1 lớp 5 môn Toán năm 2021 - Đề số 2](#)
3. [Đề thi cuối kì 1 lớp 5 môn Toán năm 2021 - Đề số 3](#)
 1. [Đáp án đề thi môn Toán lớp 5 học kì 1 năm 2021 - Đề số 3](#)

Đề thi Toán lớp 5 cuối học kì 1 năm 2021 - Đề số 1

Phần I. Trắc nghiệm (6 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng :

Câu 1: (0,5 điểm) Số thập phân 0,9 được viết dưới dạng phân số là:

- A. 9/100
- B. 9/10
- C. 9/1000
- D. 9/1

Câu 2: (0,5 điểm) $8\text{m}^2 = \dots \text{dm}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm:

- A. 800
- B. 8000
- C. 80
- D. 0,008

Câu 3: (1 điểm) Kết quả của phép chia $87,5 : 1,75$ là:

- A. 5
- B. 500
- C. 50
- D. 0,5

Câu 4: (1 điểm) Kết quả của phép nhân : $12,5 \times 3,06$ là:

- A. 382,5
- B. 3,825
- C. 3825
- D. 38,25

Câu 5: (1 điểm) Giá trị của x trong biểu thức $175 : x = 2415 : 69$ là:

- A. 125
- B. 6125
- C. 5
- D. 37

Câu 6: (1 điểm) 25% của một số là 100. Vậy số đó là:

- A. 40
- B. 400
- C. 25
- D. 50

Câu 7: (1 điểm) Trung bình cộng của ba số là 28, số thứ nhất là 14, số thứ hai hơn số thứ ba là 22. Số thứ hai là:

- A. 46
- B. 40
- C. 23
- D. 50

Phần II. Tự luận (4 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Đặt tính rồi tính :

a) $567,8 - 98$

b) $405 : 12,5$

Câu 2: (2 điểm) Số táo của An, Bình và Chi là như nhau. An cho đi 17 quả, Bình cho đi 19 quả thì lúc này số táo của Chi gấp 5 lần tổng số táo còn lại của An và Bình. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu quả táo ?

Câu 3: (1 điểm) Tính bằng cách hợp lí:

$$\frac{44444444 \times 99999999}{33333333 \times 88888888}$$

Đáp án đề thi học kì 1 lớp 5 môn Toán năm 2021 - Đề số 1

Phần I. Trắc nghiệm (6 điểm)

Mỗi câu 1, 2 cho 0,5 điểm các câu 3, 4, 5, 6, 7 cho 1 điểm

Câu 1 2 3 4 5 6 7

Đáp án B A C D C B A

Phần II. Tự luận (4 điểm)

Câu 1: (1 điểm) (Mỗi phép tính đúng cho 0,5 điểm)

a) $567,8 - 98 = 469,8$

b) $405 : 12,5 = 32,4$

Câu 2: (2 điểm)

Theo bài ra ta có : Vì số táo của An, Bình và chi là như nhau nên nếu coi số táo của Chi gồm 5 phần thì tổng số táo của An và Bình là 10 phần. (0.25 điểm)

Số táo mà An và Bình đã cho đi là : $17 + 19 = 36$ (quả) (0.25 điểm)

Vì số táo của Chi gấp 5 lần tổng số táo còn lại của An và Bình nên số táo còn lại của hai bạn gồm 1 phần. (0.25 điểm)

Vậy An và Bình đã cho đi số phần là :

$$10 - 1 = 9 \text{ (phần) (0.25 điểm)}$$

Số táo của Chi là :

$$(36 : 9) \times 5 = 20 \text{ (quả) (0.5 điểm)}$$

Vì ba bạn có số táo bằng nhau nên mỗi bạn lúc đầu có 20 quả. (0.25 điểm)

Đáp số: 20 quả (0.25 điểm)

Câu 3:

$$= \frac{4 \times 11111111 \times 9 \times 11111111}{3 \times 11111111 \times 8 \times 11111111}$$

$$= \frac{4 \times 3 \times 3}{3 \times 4 \times 2} = \frac{3}{2} = 1 \frac{1}{2}$$

$$\frac{44444444 \times 99999999}{33333333 \times 88888888}$$

hoặc

$$= \frac{44444444 \times 3 \times 33333333}{33333333 \times 2 \times 44444444} = \frac{3}{2} = 1 \frac{1}{2}$$

Đề thi cuối học kì 1 lớp 5 môn Toán năm 2021 - Đề số 2

Phần I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng :

Câu 1: (0,5 điểm) Phép nhân nào đúng:

A. $204,152 \times 0,01 = 20,4152$

B. $204,152 \times 0,01 = 2041,52$

C. $204,152 \times 0,01 = 2,04152$

D. $204,152 \times 0,01 = 20415,2$

Câu 2: (0,5 điểm) Viết phân số $\frac{12}{25}$ thành tỉ số phần trăm

- A. 12%
- B. 24%
- C. 96%
- D. 48%

Câu 3: (1 điểm) Cho các chữ số: 0,1,2,3. Hỏi lập được bao nhiêu số thập phân có đủ các chữ số đã cho mà phần thập phân có 3 chữ số?

- A. 12 số
- B. 24 số
- C. 6 số
- D. 18 số

Câu 4: (1 điểm) Ở một tháng hai có năm ngày chủ nhật. Hỏi ngày 3 của tháng hai đó là ngày thứ mấy?

- A. Chủ nhật
- B. Thứ hai
- C. Thứ ba
- D. Thứ tư

Câu 5: (0,5 điểm) Tính kết quả của phép tính $15\text{kg}24\text{g} - 8\text{kg}7\text{g} + 935\text{g}$:

- A. 7kg 475g
- B. 7kg 952g
- C. 8kg 952g
- D. 7kg 852g

Câu 6: (0,5 điểm) Rút gọn $\frac{6 \times 35 \times 24}{7 \times 18 \times 96}$

A. $\frac{5}{12}$

B. $\frac{7}{12}$

C. $\frac{8}{12}$

D. $\frac{12}{5}$

Phần II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1: (2,5 điểm) Một chị bán vải: Lần thứ nhất bán $\frac{1}{5}$ tấm vải, lần thứ hai bán $\frac{1}{3}$ tấm vải còn lại. Sau hai lần bán tấm vải còn lại 32 m. Hỏi lúc đầu tấm vải dài bao nhiêu mét ?

Câu 2: (2,5 điểm) Tìm hai số biết 40% số thứ nhất bằng $\frac{1}{4}$ số thứ hai. Tổng của 2 số là $\frac{13}{23}$.

Câu 3: (1 điểm) Tính biểu thức sau một cách hợp lí nhất:

$$A = \frac{3}{2 \times 3} + \frac{3}{3 \times 4} + \frac{3}{4 \times 5} + \dots + \frac{3}{96 \times 97}$$

Đáp án để kiểm tra cuối học kì 1 lớp 5 môn Toán năm 2021 - Đề số 2

Phần I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Mỗi câu cho 0,5 điểm riêng câu 3,4 cho 1 điểm

Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4 Câu 5 Câu 6

C D B C B A

Phần II. Tự luận (6 điểm)**Câu 1:** (2,5 điểm)

Phân số chỉ tấm vải còn lại sau lần thứ nhất là :

$$1 - \frac{1}{5} = \frac{4}{5} \quad (\text{tấm vải}) \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Phân số chỉ số vải lần thứ hai bán là :

$$\frac{4}{5} \times \frac{1}{3} = \frac{4}{15} \quad (\text{tấm vải}) \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Phân số chỉ số vải bán trong hai lần là :

$$\frac{1}{5} + \frac{4}{15} = \frac{7}{15} \quad (\text{tấm vải}) \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Phân số chỉ số vải còn lại sau hai lần bán là :

$$1 - \frac{7}{15} = \frac{8}{15} \quad (\text{tấm vải}) \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Tấm vải dài số mét là :

$$32 : \frac{8}{15} = 60 \text{ (m)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Đáp số : 60 m (0,25 điểm)

Câu 2: (2,5 điểm)

$$40\% = \frac{2}{5}$$

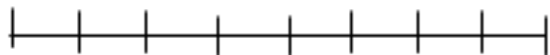
Ta có: (0,25 điểm)

Như vậy $\frac{2}{5}$ số thứ nhất = $\frac{1}{4}$ số thứ hai, hay $\frac{2}{5}$ số thứ nhất = $\frac{2}{8}$ số thứ hai. Nếu coi số thứ nhất là 5 phần bằng nhau thì số thứ hai là 8 phần như thế. Ta có sơ đồ:

Số thứ nhất: : (0,5 điểm)



Số thứ hai:



Theo sơ đồ tổng số phần bằng nhau là :

$$5 + 8 = 13 \text{ (phần) (0,5 điểm)}$$

Số thứ nhất là:

$$\frac{13}{23} : 13 \times 5 = \frac{5}{23} \text{ (0,5 điểm)}$$

Số thứ hai là :

$$\frac{13}{23} - \frac{5}{23} = \frac{8}{23} \text{ (0,5 điểm)}$$

Đáp số:

Số thứ nhất : $\frac{5}{23}$

Số thứ hai: $\frac{8}{23}$ (0,25 điểm)

Câu 3:

$$A = \frac{3}{2 \times 3} + \frac{3}{3 \times 4} + \frac{3}{4 \times 5} + \dots + \frac{3}{96 \times 97}$$

$$A = 3 \times \left(\frac{1}{2 \times 3} + \frac{1}{3 \times 4} + \frac{1}{4 \times 5} + \dots + \frac{1}{96 \times 97} \right)$$

$$A = 3 \times \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots - \frac{1}{97} \right)$$

$$A = 3 \times \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{97} \right)$$

$$A = 3 \times \left(\frac{97}{194} - \frac{2}{194} \right)$$

$$A = 3 \times \frac{95}{194}$$

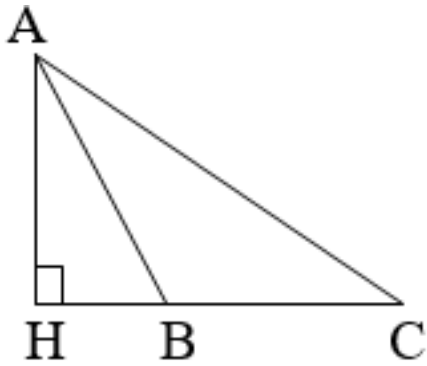
$$A = \frac{285}{194}$$

Đề thi cuối kì 1 lớp 5 môn Toán năm 2021 - Đề số 3

Phần I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng :

Câu 1: (0,5 điểm) Trong hình tam giác ABC có :



- A. AB là đường cao tương ứng với đáy BC
- B. CH là đường cao tương ứng với đáy AB
- C. AH là đường cao tương ứng với đáy BC
- D. CB là đường cao tương ứng với đáy AB

Câu 2: (0,5 điểm) Một cửa hàng bán vải trong một ngày cứ 100m vải bán được thì có 32m vải hoa . Tỉ số của số vải hoa và số vải bán được trong ngày là :

- A. 32%
- B. 100%
- C. 100/32
- D. 32/100

Câu 3: (1điểm) Trung bình cộng của 3 số bằng 34. Nếu tăng số thứ nhất gấp 2 lần thì trung bình cộng của chúng bằng 38. Nếu tăng số thứ hai gấp 3 lần thì trung bình cộng của chúng bằng 46. Tìm số thứ nhất và số thứ hai.

- A. 12 và 18
- B. 18 và 12
- C. 12 và 42
- D. 18 và 42

Câu 4: (1điểm) Tìm hai số hạng đầu của dãy số sau :; 4; 2; 0. (biết rằng dãy này có 15 số hạng)

A. 30; 28

B. 26; 24

C. 28; 26

D. 26; 24

Câu 5: (0,5 điểm) Kết quả của phép nhân $134,5 \times 0,1$ là :

A. 1345

B. 13,45

C. 1,345

D. 13450

Câu 6: (0,5 điểm) $15\text{m } 3\text{cm} = \dots\text{m}$. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là :

A. 15,03

B. 15,3

C. 153

D. 1,53

Phần II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính :

a) $367 + 34,7$

b) $36,9 + 489$

c) $58,7 \times 23,6$

d) $207,009 : 5,61$

Câu 2: (2,5 điểm) Cho một hình chữ nhật, nếu ta giảm chiều dài 5 cm, và tăng chiều rộng 5cm thì được một hình vuông có chu vi là 164 cm. Tìm diện tích chữ nhật ban đầu ?.

Câu 3: (2,5 điểm) Mua 8 quyển vở và 3 cái bút hết 69000 đồng. Mua 4 quyển vở và 6 cái bút hết 102000 đồng. Tính giá tiền 1 quyển vở, 1 cái bút.

Đáp án đề thi môn Toán lớp 5 học kì 1 năm 2021 - Đề số 3

Phần I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Mỗi câu cho 0,5 điểm riêng câu 3,4 cho 1 điểm

Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4 Câu 5 Câu 6

C D A C B A

Phần II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

a) $367 + 34,7 = 401,7$

b) $36,9 + 489 = 525,9$

c) $58,7 \times 23,6 = 1385,32$

d) $207,009 : 5,61 = 36,9$

Câu 2:

Cạnh hình vuông là $164 : 4 = 41$ (cm). (0,5 điểm)

Chiều dài hình chữ nhật ban đầu là: $41 + 5 = 46$ (cm) (0,5 điểm)

Chiều rộng hình chữ nhật ban đầu là: $41 - 5 = 36$ (cm) (0,5 điểm)

Diện tích hình chữ nhật là: $46 \times 36 = 1656$ (cm²) (0,5 điểm)

Đáp số : 1656 cm² (0,25 điểm)

Câu 3:

Mua 8 quyển vở và 3 cái bút hết 69 000 đồng. (0,25 điểm)

Mua 4 quyển vở và 6 cái bút hết 102 000 đồng(Hay mua 2 quyển vở và 3 cái bút hết 51 000 đồng) (0,25 điểm)

Vậy

Mua 8 quyển vở và 3 cái bút hết 69 000 đ òng.

Mua 2 quyển vở và 3 cái bút hết 51 000 đ òng.

Mua 6 quyển vở hết 18 000 đ òng (0,5 điểm)

Mua 1 quyển vở hết: $18\ 000 : 6 = 3000$ đ òng. (0,25 điểm)

Mua 4 quyển vở hết: $3\ 000 \times 4 = 12\ 000$ (đ òng). (0,5 điểm)

Mua 1 cái bút hết: $(102\ 000 - 12\ 000) : 6 = 15\ 000$ (đ òng). (0,5 điểm)

Đáp số: 1 cái bút hết 15 000đ;

1 quyển vở hết 3 000đ (0,25 điểm)